

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC-VĨNH LONG**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 - 8 - 2025.

V/v ly hôn giữa bà P và ông V.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS ngày 29/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 61, Khóm B, Phường B, thành phố V (nay là phường H), tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Xuân V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà, 61, Khóm B, Phường B, thành phố V (nay là phường H), tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24 tháng 5 năm 2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Bà và ông V đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2009, chung sống được một thời gian đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có lúc ông V đánh đập bà, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên bà P yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông V. Bà và ông V chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh năm

1995 và Lê Thị Yến N, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Xuân V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Lê Xuân V kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên bà P có đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông V, ông V có nơi cư trú tại Phường B, thành phố V (nay là phường H), tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân Khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, ông V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do bà P cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bà P và ông V có đăng ký kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn đúng quy định. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc bà P và ông V sống ly thân, ông V được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Ông không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà P và ông V chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh năm 1995 và Lê Thị Yến N, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên bà P phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng P ly hôn ông Lê Xuân V.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V (nay là Phòng THADS Khu vực -Vĩnh Long), theo biên lai thu tiền số 0007999 ngày 16/5/2025, bà P đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- UBND phường H, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng